

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL23B2KH** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH02073** Học kỳ: **02**
Tên MH/MĐ: **Giáo dục QP - An ninh**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2353801015299	Đoàn Văn Dể	01/01/1975				9	9.0	7.0			9.0		8.7
2	2353801015300	Nguyễn Thị Huỳnh Như	04/10/2003				8	8.0	9.0			10.0		9.4
3	2353801015302	MATH SA RI	18/08/1968				9	9.0	9.0			10.0		9.6
4	2353801015303	Vũ Đình Sơn	07/02/1998				9	9.0	10.0			10.0		9.8
5	2353801015305	Phạm Hồng Thái	29/09/1981				9	9.0	10.0			10.0		9.8
6	2353801015306	Trần Thị Thắm	20/07/1984				9	10.0	10.0			10.0		9.9
7	2353801015307	Nguyễn Phúc Thành	17/04/1987				8	10.0	10.0			10.0		9.8
8	2353801015308	Đoàn Văn Thi	06/09/1976				9	9.0	9.0			9.0		9.0
9	2353801015309	Hồ Văn Thích	09/09/1982				8	10.0	10.0			10.0		9.8
10	2353801015310	Dương Bảo Toàn	07/02/1986				8	10.0	9.0			9.0		9.1
11	2353801015311	Huỳnh Ngọc Thùy Trang	15/01/1983				9	10.0	10.0			10.0		9.9
12	2353801015314	Huỳnh Ngọc Trọng	19/01/2004				9	7.0	9.0			8.0		8.1
13	2353801015315	Lâm Trung Trục	21/03/2005				8	7.0	10.0			9.0		8.8
14	2353801015316	Phùng Thành Tú	28/02/1998				8	8.0	8.0			10.0		9.2
15	2353801015317	Phạm Văn Tuấn	24/10/1976				9	10.0	10.0			10.0		9.9
16	2353801015318	Thái Văn Út	15/03/1986				9	10.0	10.0			9.0		9.3
17	2353801015319	Hàng Thị Ái Vân	06/07/1997				9	9.0	10.0			9.0		9.2
18	2353801015320	Lê Thị Kim Yến	30/05/2003				8	8.0	8.0			9.0		8.6
19	2353801015376	Lê Nguyễn Thị Tú Yên	18/10/2004				8	9.0	10.0			9.0		9.1

Châu Đốc, ngày 16 tháng 9 năm 2024

TP. Đào tạo Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng Nguyễn Văn Chiến